

Số: 526 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 14 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-BTC ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Bộ Tài chính về công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực quản lý công sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 689/TTr-STC ngày 05 tháng 3 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 01 thủ tục hành chính ban hành mới lĩnh vực quản lý công sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2,
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Tài chính (kèm hồ sơ).
- Cục Thuế,
- Kho bạc Nhà nước tỉnh,
- Phòng KS TT HC (kèm hồ sơ), TTTTĐT,
- Lưu: V1

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trương Duy Hải

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CÔNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẾN TRE**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 526/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2018
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
Lĩnh vực: Quản lý công sản					
01	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội	Không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Sở Tài chính tỉnh Bến Tre (Số 20, Cách mạng Tháng 8, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).	Không	Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuế mặt nước



NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MỚI LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẾN TRE

Lĩnh vực: Quản lý công sản

1. Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội

- Trình tự thực hiện

Bước 1: Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội nộp hồ sơ đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả vào nghĩa vụ tài chính tại Sở Tài chính tỉnh Bến Tre.

Bước 2: Sở Tài chính xác định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội.

Bước 3: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội.

Bước 4: Sở Tài chính có văn bản gửi Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh để thực hiện.

- Cách thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện tại Sở Tài chính tỉnh Bến Tre (Số 20, Cách mạng Tháng 8, Phường 3, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

- Thành phần hồ sơ

+ Đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại Khoản 1 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014

. Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính;

. Quyết định hoặc văn bản chấp thuận đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao;

. Hợp đồng hoặc giấy tờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển nhượng: 01 bản sao;

. Giấy tờ, hóa đơn chứng minh số tiền đã nộp vào ngân sách khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc giấy tờ, biên lai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội: 01 bản sao.

+ Đối với dự án nhà ở xã hội đầu tư theo quy định tại Khoản 2 Điều 53 Luật Nhà ở năm 2014

. Văn bản đề nghị hoàn trả hoặc khấu trừ: 01 bản chính;

. Quyết định hoặc văn bản chấp thuận đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: 01 bản sao;

. Danh sách người lao động của doanh nghiệp, hợp tác xã được bố trí nhà ở có xác nhận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật nhà ở: 01 bản sao;

. Hợp đồng hoặc giấy tờ nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật tại thời điểm nhận chuyển nhượng: 01 bản sao;

. Giấy tờ, hóa đơn chứng minh số tiền đã nộp vào ngân sách khi được Nhà nước giao đất, cho thuê đất hoặc giấy tờ, biên lai đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất từ tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác mà diện tích đất đó được sử dụng để xây dựng nhà ở xã hội: 01 bản sao.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:**

+ Đối với bước 2: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

+ Đối với bước 4: Không quá 10 ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có văn bản chấp thuận.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:**

+ Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài chính.

+ Cơ quan phối hợp: Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước tỉnh.

+ Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận việc hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất vào nghĩa vụ tài chính của chủ đầu tư thực hiện dự án nhà ở xã hội.

- **Phí, lệ phí (nếu có):** Không

- **Tên, mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Không

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước.